

TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG
TỔNG CÔNG TY KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4189 /TB-TCTKTKT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026

UBND XÃ MƯỜNG TÈ

Số:.....
ĐẾN Ngày: 24/7/2026
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

THÔNG BÁO

Về thực hiện hoạt động dịch vụ nổ mìn

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Ủy ban nhân dân xã Mường Tè.

Thực hiện quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp như sau:

1. Giấy phép dịch vụ nổ mìn số 69/GP-ATMT ngày 22/12/2025 do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp - Bộ Công Thương cấp cho Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng có giá trị đến ngày 31/12/2027.

2. Hợp đồng dịch vụ nổ mìn số 234/DVNM/A2/2026 ngày 18/6/2026 giữa Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ & Thương mại Đức Trọng LC và Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng.

3. Vị trí, phạm vi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:

Công trình khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Dốc Voi, xã Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

4. Khoảng cách từ vị trí nổ mìn đến công trình gần nhất là: 360mét.

5. Phương pháp nổ mìn.

Phương pháp nổ mìn vi sai bằng kíp nổ điện vi sai, kíp nổ điện số 8 kết hợp với dây nổ.

6. Quy mô nổ mìn:

- Số lượng, chủng loại VLNCN sử dụng theo bảng sau:

TT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng
1	Thuốc nổ công nghiệp các loại (Nhũ tương dùng cho lộ thiên, ANFO)	kg	16.512
2	Kíp nổ các loại (điện số 8, điện vi sai)	cái	643
3	Dây nổ chịu nước loại 12g/m	mét	6.174

- Khối lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất: $Q_{tt} \leq 31,05\text{kg}$;

- Khối lượng thuốc nổ lớn nhất trong một đợt nổ: $Q_{\max} \leq 124,2\text{kg}$.

7. Giờ nổ mìn trong ngày.

- Buổi sáng: Từ 10h00 phút đến 13h30 phút.

- Buổi chiều: Từ 15h00 phút đến 18h30 phút.

8. Thời gian sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: Đến hết ngày 31/12/2027.

9. Các biện pháp an toàn khi nổ mìn: tuân thủ nghiêm ngặt theo quy phạm an toàn của Quy chuẩn số QCVN01:2019/BCT và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về vật liệu nổ công nghiệp, Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 7/11/2024 của Bộ trưởng Trưởng Bộ Công Thương và tuân thủ theo đúng Phương án nổ mìn, hộ chiếu nổ mìn được lập và phê duyệt.

10. Danh sách người liên quan đến hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức, doanh nghiệp như sau:

TT	Họ và tên	Số định danh	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Công việc được giao
1	Vũ Lê Linh	024084000133	08/04/1984	Thạc sỹ/ Khai thác mỏ	Người quản lý
2	Phạm Ngọc Thắng	019076001940	19/10/1976	Thạc sỹ/Quản lý khoa học công nghệ	Người quản lý
3	Đỗ Văn Việt	002087006869	09/10/1987	Trung cấp/ Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò	Chỉ huy nổ mìn
4	Bùi Văn Pha	036091000824	26/3/1991	Kỹ sư/Kỹ thuật mỏ	Chỉ huy nổ mìn
5	Trịnh Huy Việt	010097002947	27/02/1997	Đại học/Công nghệ kỹ thuật môi trường	Thợ nổ mìn
6	Đặng Hoàng Anh	010096003449	20/4/1996	Cao đẳng/Công nghệ kỹ thuật mỏ	Thợ nổ mìn
7	Hoàng Văn Kiên	012083001181	02/11/1983	Sơ cấp/Khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn
8	Nguyễn Hồng Khoa	025067016447	20/10/1967	Sơ cấp/Khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn
9	Đào Văn Huy	025088007359	17/6/1988	Sơ cấp/Khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn, Người phục vụ
10	Đinh Quang Thành	010087009890	15/10/1987	Sơ cấp/Khoan nổ mìn	Thợ mìn, Người phục vụ
11	Ngô Tuấn Hải	001099008509	06/4/1999	Sơ cấp/Khoan nổ mìn	Thợ mìn, Quản lý kho VLNCN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công Thương tỉnh Lai Châu;
- Phòng PC06 – Công an tỉnh Lai Châu;
- Công an xã Mường Tè;
- Phòng KTAT-A2;
- Lưu: VT, A2(2).P9.

**TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY VLNCN**



Trung tá Vũ Lê Linh

GIẤY PHÉP DỊCH VỤ NỔ Mìn
CỤC TRƯỞNG
CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng;
Theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn khoáng sản và vật liệu nổ công nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100283055 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Trụ sở tại: Số 102 phố Kim Mã Thượng, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội;;

Điện thoại: 024 38325377;

Fax: 024 38327710

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện dịch vụ nổ mìn.

Điều 2. Điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạm vi hoạt động: Phục vụ khai thác khoáng sản, thi công các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Điều kiện khác:

- Đối với những vị trí, khu vực nổ mìn có khoảng cách tới công trình nhà cửa, ruộng vườn không bảo đảm khoảng cách an toàn quy định tại khoản 7 Điều 5 Quy chuẩn số QCVN 01:2019/BCT, chỉ được tiến hành nổ mìn khi đã có quyết định bàn giao mặt bằng của chính quyền địa phương bảo đảm hành lang an toàn nổ mìn hoặc thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Quy chuẩn số QCVN 01:2019/BCT; không để xảy ra khiếu kiện do ảnh hưởng nổ mìn;

- Không được nổ mìn ốp trong phạm vi bán kính 300 mét kể từ vị trí nổ tới nhà, công trình;

- Khi nổ mìn lỗ khoan đường kính < 65mm, chiều cao cột bụi phải bảo đảm lớn hơn 1/3 chiều sâu lỗ khoan;

- Khi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện nổ mìn, phải tuân thủ thiết kế xây dựng công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ được phê duyệt.

3. Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; Quy chuẩn số QCVN 01:2019/BCT và những quy định pháp luật liên quan; thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trước khi thực hiện dịch vụ nổ mìn.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2027./.

Nơi nhận:

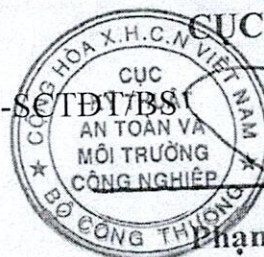
Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 2477/ĐT-QP. Ngày 24 tháng 12 năm 2025

Ngày 24 tháng 12 năm 2025



NGUYỄN THỊ THU HIỀN



CỤC TRƯỞNG

Phạm Tuấn Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ NỔ Mìn

Số: 234/DVNM/A2/2026

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành;

- Căn cứ vào Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29/6/2024 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào QCVN 01:2019/BCT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ;

- Căn cứ vào Giấy phép khai thác khoáng sản số 3020/GP-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cho phép Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ & Thương mại Đức Trọng LC khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Dốc Voi, xã Mường Tè, tỉnh Lai Châu;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ & THƯƠNG MẠI ĐỨC TRỌNG LC

Trụ sở : Tổ 9, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam
Điện thoại : 0976.561.611
Tài khoản : 8608669999
Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lai Châu
Mã số thuế : 6200087626
Đại diện là Ông : **Nguyễn Đức Cường**
Chức vụ : Giám đốc

BÊN B: TỔNG CÔNG TY KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Trụ sở : Số 102 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế : 0100283055
Điện thoại : 0243.7624132 Fax: 0243.7623.980
Tài khoản : 0011.0000.18801
Tại : Sở Giao dịch - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tài khoản : 111.000.002.516
Tại Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương - Hà Nội
Đại diện là : **Đại tá Hoàng Quốc Mậu**
Chức vụ : Giám đốc Công ty VLNCN
Giấy UQ số : 7098/GUQ-TCTKTKT ngày 31/12/2025 của Tổng Giám đốc

Sau khi bàn bạc và thảo luận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng này với những nội dung sau:

Điều 1: Nội dung công việc.

1.1. Bên A được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 3020/GP-UBND ngày 02/12/2025 cho phép khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Dốc Voi, xã Mường Tè, tỉnh Lai Châu (sau đây gọi là địa điểm thi công).

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện dịch vụ nổ mìn bao gồm: cung cấp và sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp để nổ mìn phá đá tại địa điểm thi công.

1.2. Công việc bao gồm:

- Liên hệ với cơ quan chức năng quản lý Nhà nước để đăng ký sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) tại địa điểm thi công.
- Chuẩn bị VLNCN đến chân công trình.
- Thiết kế, lập hộ chiếu nổ mìn; chỉ đạo kỹ thuật nổ mìn; chỉ huy nổ mìn; thi công nổ mìn và sử dụng VLNCN để nổ mìn phá đá.

1.3. Thời gian bắt đầu thi công: Khi Bên B đăng ký xong thủ tục nổ mìn với các cơ quan chức năng tỉnh Lai Châu và Bên A thanh toán trước cho Bên B theo thỏa thuận ở Hợp đồng này.

Điều 2: Khối lượng, đơn giá và giá trị dịch vụ nổ mìn

2.1. Khối lượng: tùy theo hộ chiếu khoan từng đợt của Bên A nhưng không được vượt khối lượng được cơ quan chức năng cho phép.

2.2. Giá trị: Giá trị dịch vụ nổ mìn mà Bên A phải thanh toán cho Bên B theo thực tế từng đợt nổ mìn bao gồm: Giá trị VLNCN; cước vận chuyển VLNCN; chi phí làm hồ sơ, xin cấp phép nổ mìn tại công trình và chi phí công dịch vụ nổ mìn. Các khoản chi phí này được tính thông qua các đơn giá chi tiết như sau:

2.2.1. Giá trị VLNCN: tính theo số lượng VLNCN sử dụng thực tế để thi công và đơn giá VLNCN áp dụng như sau:

STT	Chủng loại	ĐVT	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)
1	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên (Φ 32)	Kg	47.624
2	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên ($32 < \Phi < 90$)	Kg	47.238
3	Thuốc nổ ANFO (bao 25kg)	Kg	33.608
4	Kíp nổ điện số 8 (2m)	Cái	9.168
5	Kíp nổ điện vi sai (3m)	Cái	19.910
6	Kíp nổ điện vi sai (4,5m)	Cái	23.264
7	Dây nổ chịu nước (12g/m)	Mét	14.281
8	Dây điện mạng	Mét	1.100

Đơn giá VLNCN nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT và là giá tại kho VLNCN của Bên B.

2.2.2. Các chi phí dịch vụ nổ mìn:

Cước vận chuyển VLNCN, chi phí làm hồ sơ, thông báo nổ mìn tới các cơ quan chức năng địa phương, xin cấp phép nổ mìn tại công trình và chi phí công dịch vụ nổ mìn được hai bên thảo luận, thống nhất trong Phụ lục hợp đồng kèm theo.

2.2.3. Nguyên tắc điều chỉnh đơn giá: Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự biến động về giá thì Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A, Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A cùng thống nhất ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng này. Bên B có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng nếu Bên A không đồng ý ký kết phụ lục điều chỉnh giá mà không phải chịu trách nhiệm hay đền bù thiệt hại (nếu có).

Điều 3: Tạm ứng, thanh toán

3.1. Tạm ứng:

Ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng, trong vòng 05 ngày làm việc, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B số tiền 50.000.000 đ (*Năm mươi triệu đồng*) để Bên B triển khai các thủ tục hồ sơ, xin cấp phép nổ mìn tại công trình. Số tiền này sẽ được khấu trừ ngay vào giá trị các công đoạn dịch vụ nổ mìn của Bên B hoàn thành cho Bên A tại công trình.

3.2. Thời hạn thanh toán:

Sau mỗi đợt nổ, Bên B tiến hành nghiệm thu giá trị dịch vụ nổ mìn đã thực hiện được bao gồm giá trị VLNCN, cước vận chuyển VLNCN và tiền công dịch vụ nổ mìn. Căn cứ vào biên bản nghiệm thu giá trị dịch vụ nổ mìn mà hai bên đã ký, Bên B tiến hành phát hành hóa đơn tài chính cho Bên A:

- Giá trị dịch vụ nổ mìn lần đầu gồm: Chi phí làm hồ sơ, thông báo nổ mìn tới các cơ quan chức năng địa phương, xin cấp phép nổ mìn tại công trình, giá trị VLNCN, cước vận chuyển VLNCN, tiền công DVNM.

- Giá trị DVNM lần tiếp theo bao gồm: giá trị VLNCN, cước vận chuyển VLNCN, tiền công DVNM.

Bên B gửi email cho Bên A đính kèm hóa đơn điện tử ngay khi hóa đơn được phát hành.

Thông tin xuất hóa đơn

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ & Thương mại Đức Trọng LC

Địa chỉ: : Tổ 9, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Mã số thuế: 6200087626

Số tài khoản: 8608669999 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lai Châu

Trước khi nổ mìn, Bên B sẽ gửi bảng thông báo giá trị dịch vụ nổ mìn sẽ thực hiện của đợt nổ làm căn cứ để Bên A chuyển tiền cho Bên B. Bên A thanh toán toàn bộ số tiền VLNCN, tiền cước vận chuyển và tiền công dịch vụ nổ mìn cho Bên B trước ngày yêu cầu nổ mìn. Bên B chỉ thực hiện thi công nổ mìn khi đã nhận được chứng từ chứng minh việc thanh toán của Bên A cho Bên B.

3.2. Hình thức thanh toán:

- Bên A thanh toán trực tiếp vào tài khoản của Bên B bằng hình thức chuyển khoản. Đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng.

3.3. Chứng từ thanh toán:

Sau khi nổ mìn, Bên B sẽ cung cấp chứng từ thanh toán cho Bên A gồm: Hóa đơn GTGT của Bên B, Biên bản nghiệm thu giá trị dịch vụ nổ mìn.

Điều 4: Trách nhiệm của Hai bên.

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

4.1.1 Cung cấp đầy đủ hồ sơ và thủ tục cần thiết theo đề nghị của Bên B để Bên B đăng ký nổ mìn tại địa điểm thi công.

4.1.2. Phối hợp chặt chẽ với Bên B trong việc thống nhất thông qua hộ chiếu nổ mìn, thời gian nổ mìn, công tác an toàn.

4.1.3. Đảm bảo về mặt an ninh trật tự cho Bên B tại địa điểm thi công bao gồm: Hỗ trợ bố trí nơi ở tại công trường cho cán bộ công nhân viên của Bên B đảm bảo an toàn về an ninh và thuận tiện trong công việc; Bên A chịu trách nhiệm giải quyết mọi vấn đề khiếu kiện của các hộ dân, các đơn vị có tài sản gần công trình và chịu mọi chi phí bồi thường nếu có trong thời gian thi công nổ mìn tại công trình.

4.1.4. Ngay sau khi ký hợp đồng, Bên A phải chịu trách nhiệm đền bù giải phóng và di dời toàn bộ tài sản, công trình, máy móc phương tiện trong phạm vi bán kính 300 mét tính từ điểm ngoài cùng gần nhất của khu vực cần nổ mìn phá đá, nếu không đền bù giải phóng và di dời được thì Bên A phải chịu trách nhiệm thỏa thuận với chủ tài sản, công trình. Trước khi nổ mìn Bên A phải di chuyển, che chắn bảo vệ tất cả các loại tài sản, thiết bị máy móc, con người ra khỏi khu vực nguy hiểm do nổ mìn có thể gây ra (với con người phạm vi ≥ 300 mét, với thiết bị máy móc và tài sản phạm vi ≥ 200 mét so với điểm ngoài cùng gần nhất). Với những công trình, thiết bị máy móc và tài sản không thể di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm thì Bên A chịu mọi trách nhiệm đền bù về các thiệt hại do nổ mìn gây ra (nếu có).

4.1.5. Lập hộ chiếu khoan và khoan tạo lỗ đúng phạm vi ranh giới công trường được cấp phép theo Giấy phép khai thác khoáng sản, đúng phương án khoan nổ mìn do Bên B lập; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu khoan và bàn giao bãi khoan cho Bên B thi công nổ mìn không thuộc phạm vi ranh giới theo giấy phép hoặc không đúng hồ sơ thiết kế.

4.1.6. Ngay sau khi Bên A khoan xong, Bên A gửi cho Bên B hộ chiếu khoan, hai bên tiến hành nghiệm thu bãi khoan để Bên B tiến hành lập hộ chiếu nổ mìn, thực hiện vận chuyển VLNCN từ kho đến địa điểm thi công.

4.1.7. Thông báo trước ít nhất 02 ngày (trừ ngày nghỉ, lễ tết) cho Bên B về kế hoạch nổ mìn của mỗi đợt nổ để Bên B chuẩn bị VLNCN, lập hộ chiếu nổ mìn và chuẩn bị các thủ tục liên quan.

4.1.8. Trước khi tiến hành nổ mìn phải thông báo với chính quyền địa phương, các nhà dân và các đơn vị xung quanh địa bàn thi công biết về thời gian và địa điểm nổ mìn.

4.1.9. Bên A phối hợp với Bên B trong công tác cảnh giới tại những điểm nhạy cảm quanh khu vực nổ mìn.

4.1.10. Bên A chỉ được yêu cầu Bên B nổ mìn theo thời gian bên B đăng ký với cơ quan chức năng. Thời gian tiến hành nổ mìn: Từ 10 giờ đến 13 giờ 30 phút hoặc từ 15 giờ 00 phút đến 18 giờ 30 phút.

4.1.11. Bên A không được yêu cầu Bên B tiến hành nổ mìn vào các ngày sau: Những ngày lễ tết, ngày có khả năng mưa bão, ngày cấm nổ mìn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.1.12. Trong mọi trường hợp nổ mìn nếu có xảy ra mất an toàn, gây thiệt hại về tài sản hoặc người thì hai bên phối hợp với nhau thành lập đoàn (bên A là chủ trì) làm việc với các đơn vị liên quan: chủ tài sản, cơ quan chức năng quản lý, chính quyền địa phương để giải quyết.

4.1.13. Bằng ủy quyền hợp pháp, Bên A cử đại diện:

- Ký xác nhận số lượng VLNCN sẽ sử dụng tại bãi nổ;
- Ký xác nhận hiện trạng bãi nổ trước và sau khi nổ mìn;
- Phối hợp giải quyết các công việc tại công trường.

4.1.14. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm tại các điều khoản của hợp đồng.

4.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

4.2.1. Đăng ký thủ tục pháp lý với cơ quan chức năng quản lý để được phép nổ mìn tại khu vực cần nổ mìn trong hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

4.2.2. Chỉ thực hiện nổ mìn trong phạm vi ranh giới được cấp phép theo Giấy phép khai thác khoáng sản, bản vẽ thiết kế kỹ thuật được phê duyệt.

4.2.3. Chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, vật tư, vật liệu nổ công nghiệp và nhân lực ngay sau khi hợp đồng được ký để đáp ứng được tiến độ thi công nổ mìn phá đá cho Bên A.

4.2.4. Cung cấp đầy đủ danh sách cán bộ, công nhân đang tham gia làm dịch vụ nổ mìn tại công trình để Bên A xuất trình cho các cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

4.2.5. Không phải chịu trách nhiệm đền bù các thiệt hại do hậu quả của nổ mìn gây ra với các tài sản, hoa màu, công trình, máy móc thiết bị nằm trong bán kính nguy hiểm theo quy định (đối với tài sản, công trình, máy móc thiết bị ≤ 200 mét).

4.2.6. Chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, đảm bảo an toàn trong lao động với toàn bộ cán bộ công nhân viên của mình tại địa điểm thi công.

4.2.7. Bên B có quyền tạm ngừng thi công nổ mìn trong các trường hợp sau: vào những ngày lễ tết, ngày mưa bão và những ngày cấm hoạt động vật liệu nổ công nghiệp hoặc Bên A không thực hiện đúng trách nhiệm liên quan như đã ký kết trong hợp đồng. Bên B không phải chịu bất kỳ trách nhiệm đền bù thiệt hại nào liên quan do việc tạm ngừng thi công nổ mìn gây ra.

4.2.8. Chịu trách nhiệm canh giới, canh gác an toàn trong quá trình thi công nổ mìn theo yêu cầu thực tế từng bãi nổ, để đảm bảo không có sự cố xảy ra và bảo vệ an toàn cho người và tài sản xung quanh khu vực thi công.

4.2.9. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vật liệu nổ và thực hiện nổ mìn. Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ nổ mìn khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

4.2.10. Bên B có trách nhiệm giám sát chặt chẽ tiến độ thi công và chất lượng công việc, đảm bảo các mốc thời gian và yêu cầu chất lượng được thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết.

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Các bên giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng thông qua đàm phán trực tiếp. Nếu đàm phán trực tiếp mà không giải quyết được tranh chấp thì một trong các bên có thể yêu cầu đưa tranh chấp lên giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án do bên thua kiện chịu.

Điều 6: Bất khả kháng

6.1. Các trường hợp được coi là bất khả kháng là những sự kiện nằm ngoài khả năng dự đoán, kiểm soát, ngăn chặn của hai bên và xảy ra không phải do lỗi của hai bên; làm cho một trong hai bên không thể tiếp tục thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ đã thỏa thuận theo hợp đồng này, bao gồm:

- Những quy định của pháp luật Nhà nước có thay đổi, bổ sung, sửa đổi liên quan đến các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng làm ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện hợp đồng đã ký kết.

- Những sự kiện mang tính khách quan như: động đất, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường trước hết được.

6.2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng bên bị ảnh hưởng phải kịp thời thông báo cho bên kia biết để cùng tìm phương hướng khắc phục. Hai bên sẽ không phải đền bù những thiệt hại do các sự kiện bất khả kháng mang lại.

Điều 7: Điều khoản chung

7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2027.

7.2. Các bên cam kết tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất kỳ thay đổi nào trong số các điều khoản của hợp đồng, hai bên sẽ thảo luận thêm để cùng nhau giải quyết trên cơ sở tôn trọng, cùng có lợi. Mọi thay đổi phải được các bên thống nhất bằng các phụ lục hợp đồng đính kèm.

7.3. Hợp đồng được tự động thanh lý ngay sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Hợp đồng này được lập thành 10 bản bằng Tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 05 bản để thực hiện./.

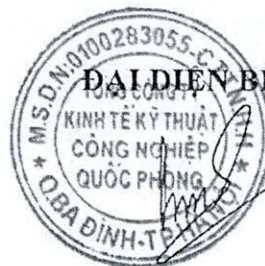
ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B



Đại tá Hoàng Quốc Mậu